Chi tiết mã HS 8507.60.31

Mã HS	8507.60.31
Mô tả hàng hóa	Ắc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông) / - Bằng ion liti: / - - Bộ pin (battery pack): / - - - Loại dùng cho máy tính xách tay kể cả loại notebook và subnotebook
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 20:39:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85076031/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15121
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15121
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15121
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14420
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14361
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14361
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14361
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14361
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14361
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14361
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14415
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14415

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14415
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14415
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14415
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14415
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14416
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14416
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14416
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14416
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14416
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14416
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14419
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14367
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14375
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14375
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14375
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14375
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14375
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14375
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14406
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14406
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14406
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14406
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14406
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14406
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14461
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14461

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14461
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14461
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14461
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14461
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14438
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14438
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14438
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14438
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14438
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14438
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14438
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14438
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14438
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14438
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14438
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14438
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14453
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14453
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14453
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14453
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14453
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14453
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14452
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14452
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14452
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14452

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14452
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14452
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14445
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14445
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14445
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14445
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14445
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14445
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14445
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14440
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14440
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14440
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14440
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14440
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14440
RCEP B	2022	2022	0	B!D14440
RCEP B	2023	2023	0	B!E14440
RCEP B	2024	2024	0	B!F14440
RCEP B	2025	2025	0	B!G14440
RCEP B	2026	2026	0	B!H14440
RCEP B	2027	2027	0	B!I14440
RCEP C	2022	2022	0	C!D14440
RCEP C	2023	2023	0	C!E14440
RCEP C	2024	2024	0	C!F14440
RCEP C	2025	2025	0	C!G14440
RCEP C	2026	2026	0	C!H14440

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14440
RCEP D	2022	2022	0	D!D14439
RCEP D	2023	2023	0	D!E14439
RCEP D	2024	2024	0	D!F14439
RCEP D	2025	2025	0	D!G14439
RCEP D	2026	2026	0	D!H14439
RCEP D	2027	2027	0	D!I14439
RCEP E	2022	2022	0	E!D14443
RCEP E	2023	2023	0	E!E14443
RCEP E	2024	2024	0	E!F14443
RCEP E	2025	2025	0	E!G14443
RCEP E	2026	2026	0	E!H14443
RCEP E	2027	2027	0	E!I14443
RCEP F	2022	2022	0	F!D14440
RCEP F	2023	2023	0	F!E14440
RCEP F	2024	2024	0	F!F14440
RCEP F	2025	2025	0	F!G14440
RCEP F	2026	2026	0	F!H14440
RCEP F	2027	2027	0	F!I14440
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13435
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13435
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13435
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13435

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)		29/2025/TT-BKHCN-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8507.60 có 5 dòng thuế; dòng 8507.60.31 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại dùng cho máy tính xách tay kể cả loại notebook và subnotebook.	8507.60.32 Dùng cho máy bay; 8507.60.33 Dùng cho xe thuộc Chương 87; 8507.60.39 Loại khác; 8507.60.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8507.60.31 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8507.60.31	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8507.60.31. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8507.60.31 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15121), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)
SPHH lĩnh vực CNTT và VT bắt buộc phải công bố hợp quy (29/2025/TT-BKHCN-PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.